VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2021 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 75 + 76)

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
4. Thuốc trừ chuột:				
1	Alkaloid (chiết xuất bằng nước từ cây lá ngón)	Dacu-M 0.386GR	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Công nghệ Việt Hóa
2	Barium sulfate (min 99%) 20% + Difennuozhi (min 95%) 0.02%	Rat-ba 20.02RB	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam

3	Brodifacoum (min 91%)	Bachuot TAT 0.005%DR	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TAT Hà Nội
		Diof 0.006AB, 5DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fadirat 0.005RB	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP ĐT Hợp Trí
		Gaulois 0.005% RB	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Klerat® 0.005% wax block bait, 0.005 pellete	**0.005%Wax block bait:** chuột/nhà, kho tàng, chuồng trại, đồng ruộng, nơi công cộng **0.005 pellete:** chuột trong quần cư, nhà kho	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Forwarat 0.005% wax block	chuột/đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Newfago 5DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP S New Rice
		Vifarat 0.005% AB	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
4	Bromadiolone (min 97%)	Antimice 0.006GB, 3DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam
		Bellus 0.005AB	Chuột/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Broma 0.005AB	Chuột/lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Diroma 0.005RB	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH B.Helmer
		Cat 0.25WP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP TST Cần Thơ
		Hicate 0.25WP, 0.08AB	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHHSP Công nghệ cao

		Killrat 0.005 Wax block	Chuột/đồng ruộng, quần cư	Forward International Ltd
		Kingcat 0.05RB	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP Hóa nông AMC
		Lanirat 0.005 GR	Chuột/trang trại, kho tàng, quần cư	Elanco Animal Health
5	Coumatetralyl (min 98%)	Racumin 0.0375 PA, 0.75TP	**0.0375PA:** chuột/ruộng lúa, nhà kho, trang trại **0.75TP:** chuột/đồng ruộng, kho, trang trại	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Ratmiu 0.0375DR, 0.75TP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
6	Diphacinone (min 95%)	Gimlet 800SP, 0.2GB	Chuột/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Kaletox 200WP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Linh miêu 0.5WP, 0.2GB	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		QT 92 800WP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
7	Flocoumafen (min 97.8%)	Coumafen 0.005% wax block	Chuột/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Krats 0.005% pellet	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Phú Nông
		Smithian 0.005% Block	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH DV và TM Tân Xuân
		Storm 0.005% block bait	Chuột/đồng ruộng, quần cư	BASF Vietnam Co., Ltd.
8	Sulfur 33% + Carbon	Woolf cygar 33%	Chuột trong hang	Công ty CP Giải pháp Nông nghiệp Tiên Tiến
9	Warfarin	Killmou 2.5DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP ENASA Việt Nam

		Ran part 2%DS, 0.6AB	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Rat K 2%DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rasger 20DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
		Rat-kill 2%DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Rodent 2DP	Chuột/đồng ruộng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
5. Thuốc điều hòa sinh trưởng:				
1	α-Naphthyl acetic acid	Acroots 10SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		HQ-301 Fructonic 1% SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, ngô, cà phê, nho	Cơ sở Nông dược sinh nông
2	ANA, 1- NAA + β-Naphtoxy Acetic Acid (β-N.A.A) + Gibberellic acid - GA3	Kích phát tố hoa - trái Thiên Nông	Kích thích sinh trưởng/cà phê, lúa, vải, nhãn, đậu, lạc, cà chua, ớt, dưa, bầu bí, cây có múi, bông vải	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
3	ATCA 5.0% + Folic acid 0.1%	Samino 5.1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
4	Auxins 11mg/l + Cytokinins 0.031mg/l + Gibberellic 6.0mg/l	KelpakSL	Kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, bắp cải, chè, dưa hấu, cam, nho, cà phê	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
5	Brassinolide (min 98%)	Dibenro 0.15WP, 0.15EC	Kích thích sinh trưởng/lúa, đậu tương, ngô, dưa chuột, hoa cúc, cải xanh, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Cozoni 0.1SP, 0.0075SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, chè	Công ty CP Nicotex
		Nyro 0.01SL, 0.1SP	**0.01SL:** Kích thích sinh trưởng/cam, lúa, cải xanh, ớt, xoài, cà chua, khoai lang **0.1SP:** Kích thích sinh trưởng/lúa, bưởi, cải xanh	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Rasino 0.018WP	Kích thích sinh trưởng/cam	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rice Holder 0.0075SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, hồ tiêu, cà phê, xoài	Chengdu Newsun Crop Science Co., Ltd.
		TT-biobeca 0.1SP	Kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, cà chua, thanh long, hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
6	Brassinolide 2g/kg + Salicylic acid 150g/kg	Bracylic 152WP	Kích thích sinh trưởng/cải xanh, lúa, đậu tương, xoài	Công ty TNHH An Nông
7	24-Epi Brassinolide	Catsuper 0.015SP, 0.01SL	Kích thích sinh trưởng/thanh long, lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
8	Cytokinin (Zeatin)	3G Giá giòn giòn 1.5WP	Kích thích sinh trưởng/giá đậu xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
		Acjapanic 1.6WP	Kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, rau muống, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Agsmix 5.6SL	Kích thích sinh trưởng/bắp cải, chè	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Agrispon 0.56SL	Kích thích sinh trưởng/bắp cải, lạc, lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
9	Cytokinin 0.1% + Gibberellic 0.05%	Sieutonic 15WG	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
10	Daminozide (min 99%)	B-Nine 85SG	Điều hòa sinh trưởng/hoa cúc	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd

11	Dịch chiết từ cây *Lychnis viscaria*	Comcat 150WP	Kích thích sinh trưởng/chè, nho, lúa, nhãn, sắn, cam, dâu tây, vải thiều, xoài, thanh long, dưa hấu, cải bó xôi, bắp cải, cà chua, dưa chuột, bí đao, hành, hẹ, cà rốt, lúa, ngô, đậu tương, phong lan; ức chế bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, giúp lúa phục hồi, tăng trưởng; xử lý hạt giống để điều hòa sinh trưởng/lúa, ngô	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng Hậu Giang
12	Ethephon (min 91%)	Adephone 25 PA, 480SL	**25PA:** kích thích mủ/cao su **480SL:** kích thích ra hoa/dứa, kích thích mủ/cao su	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Callel 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Dibgreen 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Effort 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty CP Nông dược HAI
		Elephant 5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty CP Đồng Xanh
		Ethrel 10PA, 480SL	Kích thích mủ/cao su	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Etfon 480SL	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Forgrow 5 PA	Kích thích mủ/cao su	Forward International Ltd
		Kinafon 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Kiên Nam
		Latexing 2.5 PC	Kích thích mủ/cao su	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
		Lephon 40SC	Kích thích sinh trưởng/cao su	Công ty TNHH MTV SNY
		Mamut 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH TM Thái Phong

		Revenue 25PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Sagolatex 2.5 PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sieuramu 50PA	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH An Nông
		TB-phon 2.5LS	Kích thích mủ/cao su	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Telephon 2.5 LS	Kích thích/mủ cao su; kích thích ra hoa/hoa mai	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
13	Forchlorfenuron (min 97%)	Acura 10SC, 10WG	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Birantin 0.1SL	Kích thích sinh trưởng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
14	Fugavic acid	Siêu to hạt 25SP	Kích thích sinh trưởng lúa, ngô, lạc, hồ tiêu	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
15	Fulvic acid	Siêu Việt 250SP, 300SL	**250SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải bẹ xanh, cải bó xôi, chè **300SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, đậu xanh, cà phê, cải xanh	Công ty TNHH An Nông
		Supernova 300SL, 700SP	**300SL:** kích thích sinh trưởng/cà phê, đậu xanh, cải ngọt, lúa **700SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải bẹ xanh, chè	Công ty TNHH US.Chemical
16	Gibberellic acid (min 90%)	Ac Gabacyto 50TB, 100SP, 200WP	**50TB, 200WP:** kích thích sinh trưởng/lúa **100SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, xoài, cam	Công ty TNHH MTV Lucky
		Agrohigh 2SL, 3.8EC, 20TB, 40SP	**2SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, hoa cúc **3.8EC:** kích thích sinh trưởng/chôm chôm **40SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải **20TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam

		Ankhang 20WT	Kích thích sinh trưởng/lúa, cà chua, đậu tương, chè, cải bẹ, ngô, dưa chuột	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Arogib 100SP, 200TB	**100SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, cải bẹ xanh, đậu côve **200TB:** kích thích sinh trưởng/cam, đậu côve	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		A-V-Tonic 10WP, 18SL, 50TB	**10WP:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, hoa hồng, lúa **18SL:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, lúa, cam **50TB:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, dưa chuột, hoa hồng	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azoxim 20SP	Kích thích sinh trưởng/chè, lúa	Công ty CP Nicotex
		Bebahop 40WP	Kích thích sinh trưởng/cà chua, bắp cải, dưa chuột, hoa hồng, chè, lúa	Công ty TNHH Nông Sinh
		Colyna 200TB	Điều hòa sinh trưởng/lúa, thanh long, cà phê, cà chua, hồ tiêu, vải, chè	Công ty CP Nông dược HAI
		Đầu Trâu KT Supper 100WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dogoc 5TB	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Dolping 40EC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Dovagib 20TB	Kích thích sinh trưởng/sầu riêng, xoài, dưa hấu, nhãn	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Gibbone 200WP, 40EC, 50TB	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam

		Gold gibb 20ST	Kích thích sinh trưởng/cà phê	Công ty TNHH Tam Ngọ
		Egibo 80SG	Kích thích sinh trưởng/bắp cải, thanh long	Công ty TNHH SX và TM RVAC
		Falgro 10SP, 18.4TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, nho, thanh long, dưa hấu, cam, bắp cải, chè **18.4TB:** kích thích sinh trưởng/thanh long, bắp cải, chè, cam, lúa, dưa hấu, nho	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		G3Top 3.33SL, 20TB, 40SG	Kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, dưa hấu, đậu tương, xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		GA_3 Super 100SP, 200TB, 200WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Gibbeny 10WP, 20TB	**10WP:** kích thích sinh trưởng/dưa chuột **20TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, rau cải xanh, dâu tây, thanh long	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Gib ber 2SP, 2SL, 20TB, 40WG	**2SP:** kích thích sinh trưởng/rau cần, xoài, cam, dưa hấu, rau muống, thanh long **2SL:** kích thích sinh trưởng/rau cần, rau cải, cà chua, chè, rau muống, thanh long **20TB:** kích thích sinh trưởng/rau cải, thanh long **40WG:** kích thích sinh trưởng/cam, thanh long, rau muống, rau cải, hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Gib-gap 40SP	Kích thích sinh trưởng/lúa thanh long	Công ty TNHH Gap Agro
		Gibgro 10SP, 20TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa **20TB:** kích thích sinh trưởng/rau cải, bắp cải, thanh long	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.

		Gibline 10SP, 20TB	**10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa **20TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Gibta 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Gippo 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH ADC
		Gibow 200WP, 200TB	**200WP:** Kích thích sinh trưởng/lúa **200TB:** Điều hòa sinh trưởng/thanh long	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Goliath 1SL, 10SP, 20TB, 20WP	**1SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu **10SP:** kích thích sinh trưởng/lúa **20TB, 20WP:** kích thích sinh trưởng/nho, thanh long, cà phê, hồ tiêu.	Công ty CP Tập đoàn Điện Bàn
		Greenstar 20EC, 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa, chè	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Highplant 10WP	Điều hòa sinh trưởng/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Kích phát tố lá, hạt Thiên Nông GA-3	Kích thích sinh trưởng/dâu nuôi tằm, thuốc lá, artiso, cỏ chăn nuôi, rau gia vị, đay, nho, làm giá đậu	Công ty Hóa phẩm Thiên nông
		Megafarm 50TB, 200WP	**50TB:** kích thích sinh trưởng/lúa, vải, chè, cà phê, dưa hấu **200WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, rau cải, hoa hồng, xoài, cam	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Map-Combo 10WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Map Pacific PTE Ltd

		NanoGA3 50TB, 100WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		ProGibb 10SP, 40%SG	**10SP:** kích thích sinh trưởng/chè, lúa, bắp cải, đậu Hà Lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, cà phê, hồ tiêu **40%SG:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, đậu Hà Lan, cà chua, cà rốt, cải thảo, cần tây, thanh long, nho, cà phê, hồ tiêu, xoài, cam	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Proger 20WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM Thái Nông
		Sitto Mosharp 15SL	Kích thích sinh trưởng/sắn, cà rốt	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Starga3 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa, chè	Công ty CP Hatashi Việt Nam
		Stinut 5SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, lạc, đậu đũa, cà chua, dưa chuột, bắp cải, chè, cam, quýt, hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Super GA_3 50TB, 100SP, 200WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Tony 920 40EC	Kích thích sinh trưởng/lúa, chè, dưa hấu	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Tungaba 20TB	Kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, dưa hấu, đậu côve, cà chua, bắp cải, chè	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vertusuper 1SL, 1WP, 100SP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Vagritex
		Vigibb 1SL, 16 TB, 100SP, 200WP	**16TB:** kích thích sinh trưởng/lúa **1SL, 100SP, 200WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, chè, dưa chuột, rau cải	Công ty TNHH SX & TM Viễn Khang

		Vimogreen 1.34SL, 1.34WP, 10SG, 10TB	**1.34SL:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, nho, lúa **1.34WP:** kích thích sinh trưởng/cải xanh, cây cảnh, hoa mai **10SG:** Kích thích sinh trưởng/dưa hấu, lúa, nho, cải xanh, xoài, cà phê, nhãn, quýt **10TB:** Kích thích sinh trưởng/dưa hấu, nho, nhãn, quýt, cải xanh, xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zhigip 4TB	kích thích sinh trưởng/rau cải	Công ty TNHH MTV Tô Nam Biotech
17	Gibberellic acid (1.8% GA4 + 1.8% GA7)	TT A7 3.6EC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
18	Gibberellic acid (A4, A7)	Gib-47 2% PA	Kích thích sinh trưởng/thanh long	Công ty TNHH Gap Agro
19	Gibberellic 0.3g/kg (0.5g/l), (0.5g/kg) + [N 10.7g/kg (10.5g/l), (10.5g/kg) + P_2O_5 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + K_2O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng]	Yomione 31GR, 51SL, 51WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
20	Gibberellic acid 0.3g/kg (0.4g/l), (0.4g/kg) + N 10.7g/kg (10.6g/l), (10.6g/kg) + P_2O_5 10g/kg (10g/l), (10g/kg) + K_2O 10g/kg (20g/l), (20g/kg) + Vi lượng	Lucasone 31GR, 41SL, 41WP	Kích thích sinh trưởng/vải	Công ty CP Vagritex
21	Gibberellin 10% + Calciumglucoheptonate 6% + Boric acid 2%	Napgibb 18SP	Kích thích sinh trưởng/lúa, bưởi	Công ty TNHH Đồng Bằng Xanh

22	Gibberellic acid 20g/l + Cu 50g/l + Zn 50g/l + Fe 40g/l + Mg 30g/l + Mn 10g/l	Sitto Keelate rice 20SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
23	Gibberellic acid 20g/l + Cu 36g/l + Zn 50g/l + Mg 16g/l + Mn 16g/l + B 1g/l + Mo 1g/l + Glysine amino acid 40g/l	Sitto Give-but 18SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
24	Gibberellic acid 1g/l + NPK 9 g/l + Vi lượng	Lục diệp tố 1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, đậu tương, chè	Viện Bảo vệ thực vật
25	Gibberellic acid 1% + 5% N+ 5% P_2O_5 + 5% K_2O + Vi lượng	Super sieu 16SP, 16SL	**16SP:** kích thích sinh trưởng/lúa, dưa chuột, dưa hấu, cà chua, đậu côve, bắp cải, chè **16SL:** kích thích sinh trưởng/lúa, bắp cải, cải thảo, cà chua, dưa chuột, dưa hấu, nho, đậu xanh, đậu tương, chè, cà phê, hồ tiêu, điều, cây có múi, nhãn, xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
26	Hymexazol (min 98%)	Higro 30WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Tachigaren 30SL	Điều hòa sinh trưởng/lúa, hoa cúc; héo vàng/ dưa hấu, chết cây con do nấm/lạc	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
27	Mepiquat chloride (min 98%)	Animat 40SL	Kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Mapix 40SL	Kích thích sinh trưởng/bông vải; điều hòa sinh trưởng lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
28	Nucleotide (Adenylic acid, guanylic acid, cytidylic acid, Uridylic acid)	Anikgold 0.5SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Sunsuper 0.5SL	Kích thích sinh trưởng/vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

29	Nucleotide 0.4 g/kg (0.5g/l) + Humic acid 3.4 g/kg (4g/l)	Subaygold 3.8GR, 4.5SL	**3.8GR:** Kích thích sinh trưởng/chè, dưa chuột, lúa **4.5SL:** Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
30	1-Naphthylacetic acid (NAA)	RIC 10WP	Kích thích sinh trưởng/cà phê; điều hòa sinh trưởng/chanh dây, cà chua, lúa, quýt, hồ tiêu, hoa hồng, nho	Công ty TNHH DV KH KT Khoa Đăng
31	α-Naphthyl Acetic Acid 0.5% (α-N.A.A) + β-Naphthoxy Acetic Acid 0.5% (β-N.A.A)	Vipac 88SP	Dùng để xử lý hạt (ngâm) và dùng để phun cho lúa; kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
32	α-Naphthyl Acetic Acid (α-N.A.A) 2.5% + β-Naphthoxy Acetic Acid (β-N.A.A) 2.5%	Viprom 5SP	Dùng để chiết cành hồ tiêu, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
33	α-Naphthyl Acetic Acid 0.3% (α-N.A.A) + β-Naphthoxy Acetic Acid 0.3% (β-N.A.A)	Vikipi 0.6SP	Kích thích sinh trưởng ra hoa, đậu quả/xoài, cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
34	β-Naphthoxy Acetic Acid	ViTĐQ 40SL	Kích thích sinh trưởng, tăng đậu quả/cà chua, nhãn, kích thích tăng đậu quả/điều; kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
35	α-Naphthalene Acetic Acid (α-N.A.A)	Flower-95 0.3SL	Kích thích sinh trưởng/xoài, sầu riêng, nhãn, lúa	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		HD 207 1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Hợp chất ra rễ 0.1SL	Kích thích ra rễ, giâm cành, chiết cành/cam, hoa hồng	Công ty CP Lion Agrevo

36	Oligoglucan	Enerplant 0.01WP	Kích thích sinh trưởng/lúa, cà chua, đậu Hà Lan, dâu tây, chè, mía	Công ty TNHH Ngân Anh
37	Paclobutrazol (min 95%)	Atomin 15WP	Kích thích sinh trưởng/lạc, lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Baba-X 15WP	Điều hòa sinh trưởng/khoai lang	Công ty TNHH SX và TM RVAC
		Baclolac 250SC	Kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Bidamin 15WP, 250SC	**15WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, lạc **250SC:** kích thích sinh trưởng/lạc	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Bonsai 10WP, 25SC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Map Pacific PTE Ltd
		BrightStar 25 SC	Điều hòa sinh trưởng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Dopaczol 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Farm-paclo 250SC	Kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty Cổ phần Global Farm
		Kihora 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Nguyên liêu NN Mekong
		Lunar 150WP	Kích thích sinh tưởng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Newbosa 150WP, 250SC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Paclo 15WP, 15SC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Palove gold 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông

		Parlo 20WP, 25SC	**20WP**: Điều hòa sinh trưởng/lúa, vừng **25SC:** Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Paxlomex 15WP, 15SC	**15WP:** kích thích sinh trưởng/lúa, lạc **15SC:** kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Propac 20WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Mekong
		Sài gòn P1 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Stopgrowth 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Super Cultar Mix 15WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Ngân Anh
		Toba-Jum 20WP	Kích thích sinh trưởng/lạc	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Zuron 150WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
38	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá cây vải *(Litchi chinesis sonn*)	Chocaso 0.11SL	Kích thích sinh trưởng/chè, lúa	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
39	Polyphenol chiết xuất từ cây hoa hòe (*Sophora japonica* L. Schott)	Lacasoto 4SP	Kích thích sinh trưởng/lúa, sắn, đậu tương, khoai lang, khoai tây, ngô, lạc	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh
40	Polyphenol chiết xuất từ than bùn và lá, vỏ thân cây xoài *(Mangifera indica L)*	Plastimula 1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, lạc, dưa chuột, bắp cải, cà chua, cải xanh, đậu tương, ớt, cà rốt, đậu xanh; xử lý hạt giống để tăng sức đề kháng của cây lúa đối với bệnh vàng lùn do virus	Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ hóa sinh

41	Pyraclostrobin (min 95%)	Headline 100CS, 200FS, 250EC	**100CS:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm vòng/cà chua, phấn trắng/dưa chuột **200FS:** Xử lý hạt giống điều hòa sinh trưởng/ngô **250EC:** kích thích sinh trưởng/ngô, cà phê, đậu tương, lạc	BASF Vietnam Co., Ltd
		Pyrolax 250EC	Kích thích sinh trưởng/lạc, thán thư/cà phê, hồ tiêu	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
42	Pyraclostrobin 133g/l + Epoxiconazole 50g/l	Opera 183SE	Kích thích sinh trưởng/lạc, cà phê, khô vằn/ngô, thán thư/hồ tiêu	BASF Vietnam Co., Ltd.
43	Sodium-5-Nitroguaiacolate 3g/l + Sodium-O-Nitrophenolate 6g/l + Sodium-P-Nitrophenolate 9g/l	Atonik 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, hoa, cây cảnh	Công ty TNHH ADC
44	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.9%	ACXONICannong 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ausin 1.8EC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Forward International Ltd
		Gonik 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
		Katonic-TSC 1.8SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
45	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.2% (6g/l) + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% (12g/l) + Sodium-P-Nitrophenolate 0.6% (18g/l)	Better 1.2SL, 3.6SL	**1.2SL:** kích thích sinh trưởng/lạc **3.6SL:** kích thích sinh trưởng/lạc, hoa hồng	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

46	Sodium-O-Nitrophenolate 0.71% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.46% + Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.23%	Alsti 1.4SL	Kích thích sinh trưởng/hoa hồng, lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công Nghệ Cao
47	Sodium-5-Nitroguaiacolate 0.3% + Sodium-O-Nitrophenolate 0.4% + Sodium-P-Nitrophenolate 0.7%	Kithita 1.4SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP BVTV I TW
48	Sodium-P-nitrophenolate 9g/l + Sodium-O-nitrophenolate 6g/l + Sodium-5-nitroguaiacolate 3g/l + Salicylic acid 0.5g/l	AGN-Tonic 18.5SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH An Nông
49	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.3% + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.6% + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.9% + Sodium - 2,4 Dinitrophenol 0.15%	Daiwanron 1.95SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Futai
		Dotonic 1.95SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Jiadonix 1.95SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
50	Sodium-5-Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 0.085% (3g/l) + Sodium-O-Nitrophenolate	Litosen 0.59 GR, 1.95EC	Kích thích sinh trưởng/lúa	Forward International Ltd

	(Nitrophenol) 0.185% (6g/l) + Sodium-P-Nitrophenolate (Nitrophenol) 0.285% (9g/l) + Sodium-2,4 Dinitrophenol 0.035% (1.5g/l)			
51	Sodium-5- Nitroguaiacolate (Nitroguaiacol) 3.45g/l + Sodium-O- Nitrophenolate (Nitrophenol) 6.9g/l + Sodium-P- Nitrophenolate (Nitrophenol) 10.35g/l + Sodium-2,4 Dinitrophenol 1.73g/l	Ademon super 22.43SL	Xử lý hạt giống để kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Dekamon 22.43SL	Kích thích sinh trưởng/lúa	P.T.Harina Chemicals Industry
52	1-Triacontanol (min 90%)	Tora 1.1SL	Kích thích sinh trưởng/lúa, lạc, ngô, ớt, xoài, hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
53	Uniconazole (min 90%)	Sarke 5WP	Kích thích sinh trưởng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Stoplant 5WP	Điều hòa sinh trưởng/lúa, lạc	Công ty CP Đồng Xanh
6. Chất dẫn dụ côn trùng:				
1	Methyl Eugenol	Jianet 50EC	Ruồi đục quả/roi, dưa hấu	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
2	Methyl eugenol 75% + Dibrom 25%	Vizubon D AL	Ruồi đục quả/bưởi	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
3	Methyl Eugenol 85% + Imidacloprid 5%	Acdruoivang 900 OL	Ruồi đục quả/cây có múi	Công ty TNHH MTV Lucky
4	Methyl Eugenol 75% + Naled 25%	Dacusfly 100SL	Ruồi đục quả/thanh long	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa

5	Methyl Eugenol 90% + Naled 5%	Flykil 95EC	Ruồi đục quả/ổi	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
6	Methyl Eugenol 900g/l + Naled 50g/l	T-P Nongfeng 950SL	Ruồi đục quả/nhãn	Công ty TNHH TM Thái Phong
7	Methyl Eugenol 700g/l + Propoxur 100 g/l	Dr.Jean 800EC	Ruồi đục quả/cam	Công ty TNHH US.Chemical
8	Protein thủy phân	Ento-Pro 150SL	Ruồi hại quả/cây có múi, mận, đào, ổi, vải, doi, hồng, thanh long, táo, lê, đu đủ, khế, na, quất hồng bì, mướp, mướp đắng, hồng xiêm, gấc, bí đỏ, trứng gà, bí xanh, cà, ớt	Viện Bảo vệ thực vật
7. Thuốc trừ ốc:				
1	Cafein 1.5% + Nicotine Sulfate 0.3% + Azadirachtin 0.08%	Tob 1.88GR	Ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/cải bó xôi	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
2	Metaldehyde	Andolis 120AB, 190BB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Anhead 12GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Assail 12.5GB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		BN-Meta 18GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Bolis 12GB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH ADC
		Bombay-ấn độ 13BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Bosago 12AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Boxer 15GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Corona 6GR, 80WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Cửu Châu 15GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Duba 155GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Helix 15GB, 500WP	**15GB:** ốc bươu vàng/lúa **500WP:** ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/cây cảnh	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Honeycin 6GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
		Kill snail 10GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nicotex
		MAP Passion 10GR	Ốc bươu vàng/lúa	Map Pacific PTE Ltd
		Metalix 180AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Milax 100GB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Moioc 6GR, 12AB	**6GR:** ốc bươu vàng/lúa **12AB:** ốc sên/phong lan	Công ty CP Đồng Xanh
		Molucide 6GB, 80WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP TST Cần Thơ
		Notralis 18GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Octigi 6GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Oxout 60AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Kim Điền Mekong

		Osbuvang 15GR, 80WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Passport 6AB, 300GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Pilot 15AB, 500WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Snail Killer 12RB, 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sneo-lix 120AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Tatoo 150AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Tomahawk 4GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Toxbait 120AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		T-P odix 120GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		TRIOC annong 12WG, 80WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Trumso 222AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tulip 15AB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Yellow-K 12GB, 250SC	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông

3	Metaldehyde 145 g/kg + Abamectin 5 g/kg	Capover 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
4	Metaldehyde 4.5% + Carbaryl 1.5%	Superdan 6GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
5	Metaldehyde 7% + Carbaryl 3%	Mecaba 10GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
6	Metaldehyde 10% + Carbaryl 20%	Omega-Snail 30GR	Ốc sên/phong lan	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
7	Metaldehyde 40% + Carbaryl 20%	Kiloc 60WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH ADC
8	Metaldehyde 10% + Niclosamide 20%	MAP Pro 30WP	Ốc bươu vàng/lúa	Map Pacific PTE Ltd
9	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 690g/kg	Capgold 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
10	Metaldehyde 10g/kg + Niclosamide 740g/kg	Pizza 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
11	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide 700g/kg	Radaz 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
12	Metaldehyde 6g/kg (1g/kg), (152g/kg), (1g/l) + Niclosamide 6g/kg (704g/kg), (1g/kg), (255g/l)	Vịt Đỏ 12BR, 705WP, 153GR, 256EW	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
13	Metaldehyde 50g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	TT-occa 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
14	Metaldehyde 400g/kg + Niclosamide-olamine 175g/kg	Goldcup 575WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH ADC

15	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide 500g/kg	Starpumper 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
16	Metaldehyde 300g/kg + Niclosamide-olamine 500g/kg	Npiodan 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
17	Metaldehyde 100g/kg + Niclosamide-olamine 700g/kg	E-bus 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
18	Metaldehyde 8g/kg + Niclosamide-olamine 880g/kg	Robert 888WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
19	Metaldehyde 140g/kg + Pyridaben 10g/kg	Octhailane 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
20	Niclosamide (min 96%)	Ac-snailkill 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Á Châu Hà Nội
		Aladin 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Anpuma 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Apple 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Real Chemical
		Awar 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Baycide 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao

		Bayluscide 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Bayoc 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Thiên Nông
		BenRide 250 EC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Blackcarp 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Boing 250EC, 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Catfish 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Daicosa 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Futai
		Dioto 250 EC	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Duckling 250EC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM & SX Gia Phúc
		Hn-Samole 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Honor 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Hóc Môn
		Jia-oc 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kit - super 700WP	Ốc bươu vàng/lúa, rau cải	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Laobv 75WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An

		Miramaxx 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
		Molluska 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Morgan star 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Mossade 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Niclosa 850WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Thọ Khang
		No-ocbuuvang 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Notrasit-neo 860WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		NP snailicide 250EC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Ốc usa 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		OBV-α 250EC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Oc clear 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SAM
		Oosaka 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Ockill 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Ốc-ôm 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đông Nam Đức Thành

		Ossal 500SC, 700WP, 700WG	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Pazol 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Pisana 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Prize 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Sieu naii 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Snail 250EC, 500SC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Sun-fasti 25EC, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Sundat (S) Pte Ltd
		Topsami 871WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
		Transit 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-snailtagold 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tung sai 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vdcsnail new 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Viniclo 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

		VT-dax 10GR, 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Znel 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Eastchem Co., Ltd.
21	Niclosamide 700g/kg + Abamectin 20g/kg	OBV gold 720WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
22	Niclosamide 720g/kg + Abamectin 30g/kg	Lino sachoc 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Liên nông Việt Nam
23	Niclosamide 745g/kg + Abamectin 5g/kg	Caport 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
24	Niclosamide 757 g/kg + Abamectin 20g/kg	Antioc 777WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
25	Niclosamide 500g/kg + Carbaryl 200 g/kg	Brengun 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
26	Niclosamide 680g/kg + Carbaryl 22g/kg	Oxdie 702WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
27	Niclosamide 700g/kg + Pyridaben 50g/kg	Ocindia 750WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
28	Niclosamide-olamine (min 98%)	Amani 70WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		BN-Nisa 860WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Chopper 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP TM Hải Ánh
		Clodansuper 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dioto 830WG	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Dobay 810WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành

		Morningusa 870WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Ocny 555SC, 860WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Queenly 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Kiên Nam
		Sachoc TSC 850WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Startac 250WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Tanthanh-oc 760WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		Truocaic 700WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
29	Niclosamide-olamine 500g/l + Abamectin 20g/l	Cửu Châu Nghệ 520SC	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
30	Niclosamide-olamine 780g/kg + Abamectin 20g/kg	Bayermunich-đức 800WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
31	Saponin	Abuna 15GR	Ốc bươu vàng/lúa; ốc sên/cải xanh; ốc nhớt, ốc sên/cải củ, súp lơ	Công ty TNHH SX - TM Tô Ba
		Anponin 150SB, 150WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Asanin 15WP, 15GR, 35SL	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Bai yuan 15SB	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH SX TM DV Hải Bình
		Dibonin super 15WP	Ốc bươu vàng/lúa; ốc sên, ốc nhớt/cải xanh	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA

		Espace 15WP, 21.5BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
		Golfatoc 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty Cổ phần Nông dược Việt Nam
		Maruzen Vith 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Thăng
		Morgan 200BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Nomain 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Occa 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		O.C annong 150WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Ốc tiêu 15 GR	Ốc bươu vàng/lúa; ốc sên, ốc nhớt/cải xanh	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Parsa 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Đại Nam Á
		Pamidor 50WP, 150BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH MTV SX TM XNK Hung Xiang (Việt Nam)
		Phenocid 20WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
		Raxful 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Rumba 15BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Khánh Phong
		Sabonil 15GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Hóa nông An Giang

		Safusu 20AP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Long Sinh
		Sapo 150WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Sapoderiss 70%BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Phước Hưng
		Saponolusa 150BR, 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Saponular 15GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
		Soliti 15WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Super Fatoc 150WP, 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Teapowder 150BR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Thiocis 150GR	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty Cổ phần Hóa nông Mỹ Việt Đức
		Tranin super 18WP	Ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
8. Chất hỗ trợ (chất trải):				
1	Azadirachtin	Dầu Nim Xoan Xanh Xanh 0.15EC	Hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ bọ cánh tơ, rầy xanh/chè; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu tơ/cải bắp; hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ mốc sương/khoai tây	Công ty TNHH Ngân Anh
2	Chất căng bề mặt 340g/l + dầu khoáng 190g/l + Ammonium sulphate 140g/l	Hot up 67SL	Làm phụ trợ cho nhóm thuốc trừ cỏ sau nảy mầm không chọn lọc; làm tăng hiệu quả diệt cỏ	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.

3	Esterified vegetable oil	Hasten® 70.4SL	Tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ cỏ chọn lọc sau nảy mầm/lúa thuộc nhóm sulfonyl urea, cyclohexanedion, bipyridilium; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ sâu thuộc nhóm pyrethroid, carbamate; tăng hiệu quả của nhóm thuốc trừ bệnh/cây trồng thuộc nhóm triazole	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Rocten 748SL	Tăng hiệu quả của thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên cây lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
4	Esters of botanical oil	Subain 99SL	Hỗ trợ thuốc trừ sâu nhóm: Carbamate (rầy nâu/lúa), Lân hữu cơ (sâu cuốn lá/lúa), Pyrethroid (sâu xanh/rau cải); hỗ trợ thuốc trừ bệnh nhóm: Triazole (khô vằn/lúa); hỗ trợ thuốc trừ cỏ nhóm: Sulfonyl urea (cỏ/lúa)	Công ty CP Multiagro
5	Trisiloxane ethoxylate	Enomil 30SL	Hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ sâu, trừ bệnh, trừ cỏ	Công ty CP Enasa Việt Nam
II. THUỐC TRỪ MỐI:				
1	Beta-naphthol 1% + Fenvalerate 0.2%	Dầu trừ mối M-4 1.2SL	Trừ mối trong bảo quản gỗ	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
2	Bistrifluron (min 95%)	Xterm 1%	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
3	Chlorantraniliprole (min 93%)	Altriset® 200SC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
4	Chlorfenapyr (min 94%)	Mythic 240SC	Mối/công trình xây dựng	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Ozaki 240SC	Mối/công trình xây dựng, đê điều	Công ty TNHH Đầu tư và PT Ngọc Lâm

5	Chlorfluazuron (min 94%)	Requiem 1RB	Mối/công trình xây dựng	Ensystex Australasia Pty Ltd.
6	Disodium Octoborate Tetrahydrate	Bora-Care 40SC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH TM DV Toàn Diện
7	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	Wopro$_2$ 10FG	Mối/công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
8	Fenvalerate (min 93%)	Wazary 10SC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
9	Hexaflumuron (min 95%)	Mobahex 7.5RB	Mối/công trình xây dựng	Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình
		Sentricon® HD 0.5RB	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
10	Imidacloprid (min 96%)	Hunter 50SC	Mối/công trình xây dựng, đê điều	Công ty TNHH ĐT và PT Ngọc Lâm
		Imi.moi 250SC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông
		Mantra TC 30.5SC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Hóa sinh Vinchem
		Premise 200SC	Mối/công trình xây dựng	Công ty TNHH Bayer VN
		Termize 200SC	Mối/công trình xây dựng	Imaspro Resources Sdn Bhd
11	*Metarhizium anisopliae* var. *anisopliae (*M2 & M5 10^8 - 10^9 bào tử/g), (M1 & M7 10^8 - 10^9 bào tử/ml)	Metavina 10DP, 80LS	**10DP:** mối/đê, đập, công trình kiến trúc, công trình xây dựng, nhà cửa, kho tàng **80LS:** mối/đê, đập	Công ty CP Công nghệ Sinh Thái Việt

12	Permethrin (min 92%)	Map boxer 30EC	Mối/công trình xây dựng	Map Pacific Pte Ltd
13	Na_2SiF_6 50% + H_3BO_3 10% + $CuSO_4$ 30%	PMC 90DP	Mối hại cây lâm nghiệp	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
14	Na_2SiF_6 80% + $ZnCl_2$ 20%	PMs 100CP	Mối hại nền móng, hàng rào quanh công trình xây dựng	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN:				
1	Cypermethrin (min 90%)	KAntiborer 10EC	Mọt/gỗ	Behn MeyerSPecialty Chemical Sdn Bhd.
2	Deltamethrin (min 98%)	Cease 25EC	Mọt/gỗ	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Cislin 2.5EC	Mọt/gỗ	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
3	Extract of Cashew nut shell oil (min 97%)	$Wopro_1$ 9AL	Mối/gỗ	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
4	$CuSO_4$ 16% + CuO_2% + $K_2Cr_2O_7$ 2%	M_1 20LA	Con hà hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
5	$CuSO_4$ 80% + $K_2Cr_2O_7$ 18% + CrO_3 2%	CH_G 100SP	Con hà, nấm mục hại thuyền gỗ, ván thuyền	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
6	$CuSO_4$ 50% + $K_2Cr_2O_7$ 50%	XM_5 100SP	Nấm, mục, côn trùng hại tre, gỗ, song, mây	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
7	$ZnSO_4$ .7H_2O 60% + NaF 30%	LN_5 90SP	Nấm, mục, côn trùng hại gỗ sau chế biến, song, mây, tre	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
IV. THUỐC KHỬ TRÙNG KHO:				
1	Aluminium Phosphide	Alumifos 56% tablet	Khử trùng kho	Asiagro Pacific Ltd
		Celphos 56% tablets	Sâu mọt hại kho tàng	Excel Crop Care Limited
		Mephos 56TB	Côn trùng/nông sản	Mebrom Ltd

		Phostoxin 56% viên tròn, viên dẹt	Côn trùng, chuột hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Quickphos 56% TB	Sâu mọt hại kho tàng, nông sản	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Sanphos 56TB	Mọt gạo/kho	Công ty CP Trừ mối khử trùng
2	Magnesium phosphide	Magtoxin 66 tablets, pellet	Sâu mọt hại kho tàng	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Magnophos 56% Plate	Mọt/kho thuốc lá	Công ty TNHH UPL Việt Nam
3	Pirimiphos-methyl (min 88%)	Actellic® 50EC	Sâu mọt hại kho tàng, mọt kho bảo quản/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
V. THUỐC SỬ DỤNG CHO SÂN GOLF.				
1. Thuốc trừ bệnh:				
1	Metalaxyl-M (min 91%)	Subdue Maxx® 240SL	Héo rũ tàn lụi/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Propiconazole (min 90%)	Banner Maxx® 156EC	Đốm nâu/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ cỏ:				
1	Trifloxysulfuron sodium (min 89%)	Monument® 100OD	Cỏ/sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3. Thuốc điều hòa sinh trưởng:				
1	Trinexapac-Ethyl (min 94%)	Primo Maxx® 120SL	Điều hòa sinh trưởng/cỏ sân golf	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

VI. THUỐC XỬ LÝ HẠT GIỐNG				
1. Thuốc trừ sâu:				
1	Cyantraniliprole 240g/l + Thiamethoxam 240g/l	Fortenza® Duo 480FS	Xử lý hạt giống trừ sâu keo mùa thu, sâu xám/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Dinotefuran 25% + Hymexazol (min 98%) 15%	Sakura 40WP	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
3	Imidacloprid (min 96%)	Barooco 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Dimida 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Gaucho 70 WS, 600FS	**70WS:** Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, rầy xanh, bọ trĩ, ruồi/lúa; Xử lý hạt giống trừ sâu chích hút bông vải; Xử lý hạt giống trừ sâu trong đất/ngô **600FS:** Xử lý hạt giống trừ rệp/bông vải, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa; xử lý hạt giống trừ rệp muội/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Gaotra 600FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
4	Imidacloprid 300g/kg + Metconazole 360g/kg	Kola gold 660WP	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu, bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH ADC
		Obawin 660WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
5	Imidacloprid 370g/l + Metconazole 300g/l	London-anh quốc 670FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
6	Thiamethoxam (min 95%)	Cruiser® 350FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy xanh, rệp/bông vải; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ngô; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

		DN Affara 25WG	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM DV Đức Nông
		Reno 350FS	Xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
7	Thiamethoxam 300g/l + Azoxystrobin 50g/l + Prochloraz 62.5g/l	Pre-pat 412.5FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
8	Thiamethoxam 250g/l + Difenoconazole 75g/l	Anrusher 325FS	Xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
9	Thiamethoxam 262.5g/l + Difenoconazole 25g/l + Fludioxonil 25g/l	Cruiser Plus® 312.5FS	Xử lý hạt giống để trừ bọ trĩ, rầy nâu, rầy lưng trắng, lúa von/lúa; xử lý hạt giống trừ sâu xám/ngô; xử lý hạt giống trừ bệnh lở cổ rễ cây con/đậu tương; xử lý hạt giống trừ bệnh chết ẻo cây con/lạc	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Fludioxonil (min 96.8%)	Celest 025FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
2	Fludioxonil 25g/l + Metalaxyl-M 10 g/l	Maxim XL 035FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh chết cây con/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
3	Ipconazole (min 95%)	Jivon 6WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
4	Isotianil (min 96%)	Routine 200SC	Đạo ôn/lúa (xử lý hạt giống), bạc lá/lúa, héo xanh/cà chua	Bayer Vietnam Ltd
5	Isotianil 200g/l + Trifloxystrobin 80g/l	Routine start 280FS	Xử lý hạt giống trừ đạo ôn/lúa	Bayer Vietnam Ltd
6	Metconazole (min 94%)	Provil super 10SL	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

7	Metalaxyl-M (min 91%)	Apron® XL 350ES	Xử lý hạt giống trừ bệnh mốc sương (bạch tạng)/ngô	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
8	Metalaxyl (min 95%)	Neutral 317 FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh bạch tạng/ngô	Công ty TNHH UPL Việt Nam
9	Metiram complex 650g/kg + Thiamethoxam 150g/kg	Biwonusa 800WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
10	Oxathiapiprolin (min 95%)	Lumisena™ 200FS	Xử lý hạt giống trừ bệnh sọc lá/ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
11	Pefurazoate (min 94%)	Fortissimo 20WP	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
12	Tebuconazole (min 95%)	Foniduc 450SC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Sforlicuajapane 450SC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
13	Triflumizole (min 99.38%)	Trifmine 15EC	Xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
V. THUỐC BẢO QUẢN NÔNG SẢN SAU THU HOẠCH				
1	Chlorpropham (min 98%)	Oorja 50HN	Bảo quản/khoai tây	Công ty TNHH UPL Việt Nam

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II
DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT CẤM SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản		
1	Aldrin	Aldrex, Aldrite…
2	BHC, Lindane	Beta - BHC, Gamma - HCH, Gamatox 15EC, 20EC, Lindafor, Carbadan 4/4G, Sevidol 4/4G
3	Cadmium compound (Cd)	Cadmium compound (Cd)
4	Carbofuran	Kosfuran 3GR, Vifuran 3GR, Sugadan 30GR, Furadan 3GR
5	Chlordane	Chlorotox, Octachlor, Pentichlor...
6	Chlordimeform	Các loại thuốc BVTV có chứa Chlordimeform
7	DDT	Neocid, Pentachlorin, Chlorophenothane...
8	Dieldrin	Dieldrex, Dieldrite, Octalox ...
9	Endosulfan	Cyclodan 35EC, Endosol 35EC, Tigiodan 35ND, Thasodant 35EC, Thiodol 35ND
10	Endrin	Hexadrin...
11	Heptachlor	Drimex, Heptamul, Heptox…
12	Isobenzen	Các loại thuốc BVTV có chứa Isobenzen
13	Isodrin	Các loại thuốc BVTV có chứa Isodrin
14	Lead (Pb)	Các loại thuốc BVTV có chứa Lead (Pb)

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
15	Methamidophos	Dynamite 50 SC, Filitox 70 SC, Master 50 EC, 70 SC, Monitor 50EC, 60SC, Isometha 50 DD, 60 DD, Isosuper 70 DD, Tamaron 50 EC...
16	Methyl Parathion	Danacap M 25, M 40; Folidol - M 50 EC; Isomethyl 50 ND; Metaphos 40 EC, 50EC; (Methyl Parathion) 20 EC, 40 EC, 50 EC; Milion 50 EC; Proteon 50 EC; Romethyl 50ND; Wofatox 50 EC...
17	Monocrotophos	Apadrin 50SL, Magic 50SL, Nuvacron 40 SCW/DD, 50 SCW/DD, Thunder 515DD...
18	Parathion Ethyl	Alkexon , Orthophos , Thiopphos...
19	Sodium Pentachlorophenate monohydrate	Copas NAP 90 G, PMD_4 90 bột, PBB 100 bột
20	Pentachlorophenol	CMM 7 dầu lỏng
21	Phosphamidon	Dimecron 50 SCW/DD...
22	Polychlorocamphene	Toxaphene, Camphechlor,
		Strobane
23	Trichlorfon (Chlorophos)	Biminy 40EC, 90SP; Địch Bách Trùng 90SP; Dilexson 90WP; Dip 80SP; Diptecide 90WP; Terex 50EC, 90SP; Medophos 50EC, 750EC; Ofatox 400EC, 400WP; Batcasa 700EC; Cylux 500EC; Cobitox 5GR
Thuốc trừ bệnh		
1	Arsenic (As)	Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng lỏng)
		Các hợp chất hữu cơ của thạch tín (dạng khác)
2	Captan	Captane 75WP, Merpan 75WP...
3	Captafol	Difolatal 80WP, Folcid 80WP... (dạng bình xịt)
		Difolatal 80WP, Folcid 80WP... (dạng khác)
4	Hexachlorobenzene	Anticaric, HCB... (dạng bình xịt)
		Anticaric, HCB... (dạng khác)

TT	TÊN CHUNG (COMMON NAMES)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAMES)
5	Mercury (Hg)	Các hợp chất của thủy ngân (dạng bình xịt)
		Các hợp chất của thủy ngân (dạng khác)
6	Selenium (Se)	Các hợp chất của Selen
Thuốc trừ chuột		
1		Hợp chất của Tali (Talium compond (Tl))
Thuốc trừ cỏ		
1	2.4.5 T	Brochtox, Decamine, Veon… (dạng bình xịt)
		Brochtox, Decamine, Veon… (dạng khác)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh